

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1076 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 14 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về Bộ tiêu chí, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và tổ chức công bố “Thôn nông thôn mới”, “Thôn kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020

CÔNG VĂN BẢN Số: 469
Ngày 19 tháng 4 năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Đề án số 01-ĐA/TU ngày 27/11/2015 của Tỉnh ủy Lào Cai, đề án tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 11 /TTr-VPĐP ngày 31/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Bộ tiêu chí, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và tổ chức công bố “Thôn nông thôn mới”, “Thôn kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Giao Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các địa phương.

Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững (viết tắt là Trưởng BCD), Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã, thôn tổ chức thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh; Trưởng BCD, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Trưởng BCD, Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên

quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TB BCĐ CTMTQG XDNTM TW;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- TV BCĐ CTMTQGXNTM và GNBV tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh (đưa tin);
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- VPĐP NTM các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- BBT Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH, QLĐT, VX, TNMT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong

QUY ĐỊNH

**Về Bộ tiêu chí, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và tổ chức công bố
“Thôn nông thôn mới”, “Thôn kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Lào Cai,
giai đoạn 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 14/4/2016
của UBND tỉnh Lào Cai)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định về Bộ tiêu chí, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và tổ chức công bố “Thôn nông thôn mới” đối với các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, “Thôn kiểu mẫu” đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng:

2.1. Các thôn trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền công nhận có tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật thuộc các xã trên địa bàn tỉnh; có đăng ký với xã, huyện/thành phố (sau đây gọi chung là huyện) và được Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững (viết tắt là Ban Chỉ đạo) huyện thống nhất danh sách trong thời hạn rà soát, công nhận.

2.2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến trình tự, thủ tục xét và công nhận “Thôn nông thôn mới”, “Thôn kiểu mẫu”.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thẩm định và xét công nhận “Thôn nông thôn mới”, “Thôn kiểu mẫu” phải tuân thủ đúng tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục quy định về tiêu chí, đảm bảo công khai dân chủ, minh bạch, tránh hình thức, chạy theo thành tích.

2. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình xét, công nhận thôn đạt chuẩn “Thôn nông thôn mới”, “Thôn kiểu mẫu”.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Tiêu chí “Thôn nông thôn mới”

1. Đối với các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, mỗi năm đề xuất đăng ký tối thiểu 01 thôn thực hiện “Thôn nông thôn mới”; thôn đăng ký phù hợp với điều kiện đặc trưng của địa

phương và được sự đồng thuận, nhất trí của cộng đồng dân cư; các thôn còn lại tổ chức nâng cao chất lượng các tiêu chí theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia theo Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 và Quyết định 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tiêu chí “Thôn nông thôn mới” được quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
I	NHÓM PHÁT TRIỂN KINH TẾ		
1	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong thôn (triệu đồng/người/năm)	2016: 20 2020: 35
2	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo theo quy định hiện hành	<10%
3	Việc làm	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên	>90%
4	Phát triển kinh tế	Có ít nhất 01 nhóm sở thích về phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện của địa phương	Có
II	NHÓM HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI		
5	Giao thông	5.1. Tỷ lệ km đường trục thôn cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	50%
		5.2. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm (100% không lầy lội vào mùa mưa, 50% được cứng hóa).	Đạt
6	Điện	6.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt
		6.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	100%
7	Cơ sở vật chất văn hóa	Có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH - TT & DL về diện tích xây dựng và quản lý tổ chức hoạt động (Nếu có quy hoạch)	Đạt
8	Nhà ở dân cư	8.1. Nhà tạm, dột nát	Không
		8.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ xây dựng	75%
III	NHÓM MÔI TRƯỜNG		
9	Nước sạch	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	80%
10	Công trình phụ trợ	10.1. Hộ có 03 công trình phụ trợ (Nhà vệ sinh, bể nước, nhà tắm) đạt chuẩn	80%
		10.2. Chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh và có nơi thu gom nước thải và phụ phẩm chăn nuôi.	100% số hộ chăn nuôi
11	Vệ sinh thôn, xóm	11.1. Đường làng ngõ xóm các hộ gia đình đảm bảo yêu cầu: xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động suy giảm môi trường	Đạt
		11.2. Có hệ thống xử lý tự thấm hoặc mương thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường; chất thải các hộ gia đình trước khi ra công cộng ít nhất phải qua sơ xử lý	Đạt

		11.3. Có tổ vệ sinh môi trường, có điểm tập kết rác thải chung, có các lò đốt rác.	Đạt
		11.4. Không có tình trạng vứt rác nơi công cộng và những nơi trái quy định; 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường	Đạt
		11.5. Định kỳ tối thiểu 01 lần/tuần có tổ chức làm vệ sinh chung toàn thôn	Đạt
IV	AN NINH TRẬT TỰ		
12	An ninh trật tự xã hội	Đạt 5 tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo Thông tư 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an.	Đạt
13	Chấp hành pháp luật và quy ước, hương ước	13.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy ước, hương ước, không bị phê bình, cảnh cáo trở lên (bằng văn bản).	100%
		13.2. Đóng nộp các khoản đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, đúng thời gian.	Đạt
		13.3. 80% số hộ trong thôn đạt gia đình văn hóa, thôn 5 năm liên tục đạt thôn văn hóa	Đạt
V	NHÓM GIÁO DỤC, Y TẾ		
14	Giáo dục	14.1. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 THCS	100%
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT của thôn từ 70% trở lên	Đạt
		14.3. Không có học sinh bỏ học, không có học sinh xếp học lực yếu (đối với cấp học có xếp loại); không có học sinh vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật	Đạt
15	Y tế	15.1. Không phát sinh đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm xét công nhận	Đạt
		15.2. Tỷ lệ người tham gia BHYT đạt $\geq 75\%$	Đạt

Điều 4. Tiêu chí thôn kiểu mẫu

1. Phải đảm bảo được các tiêu chí thôn kiểu mẫu theo quy định, ngoài ra phải đảm bảo một trong các chỉ tiêu nổi bật phù hợp với thể mạnh của địa phương so với các thôn khác như: có làng nghề truyền thống, mô hình tiêu biểu về phát triển sản xuất nâng cao thu nhập; mô hình nhà sạch vườn đẹp và vệ sinh môi trường đường làng ngõ xóm; mô hình phát triển, bảo tồn bản sắc văn hóa, chấp hành hương ước, quy ước; mô hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tự quản,... được UBND huyện công nhận.

2. Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, tùy vào điều kiện thực tế và thể mạnh của địa phương đề xuất đăng ký tối thiểu 01 thôn kiểu mẫu nhằm tập trung nguồn lực thực hiện có hiệu quả, đặc biệt đăng ký thực hiện tốt các chỉ tiêu thể mạnh của địa phương (ít nhất mỗi thôn phải đăng ký một mô hình điểm về phát triển kinh tế, vệ sinh môi trường, về văn

hóa, về an ninh trật tự,... và mô hình đó phải được nhân rộng trên địa bàn toàn thôn); các thôn còn lại tổ chức duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt.

3. Tiêu chí “Thôn kiểu mẫu” được quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
I	NHÓM PHÁT TRIỂN KINH TẾ		
1	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong thôn (triệu đồng/người/năm)	2016: 25 2020: 40
2	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo theo quy định hiện hành	<5%
3	Việc làm	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên tạo thu nhập ổn định các tháng trong năm.	>95%
4	Phát triển kinh tế	4.1. Có ít nhất 01 nhóm sở thích về phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện của địa phương	Đạt
		4.2. Có ít nhất 01 mô hình tiêu biểu như: mô hình tiến tiến về phát triển sản xuất nâng cao thu nhập; mô hình nhà sạch vườn đẹp và vệ sinh môi trường đường làng ngõ xóm; mô hình phát triển, bảo tồn bản sắc văn hóa, chấp hành hương ước, quy ước; mô hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tự quản; các làng nghề truyền thống...	Đạt
II	NHÓM HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI		
5	Giao thông	5.1. Tỷ lệ km đường trục thôn cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT - Các tuyến đường phải được đắp lè mỗi bên tối thiểu 50 cm, mặt đường được quét dọn thường xuyên, có rãnh thoát nước và được khơi thông; có biển báo giao thông ở đầu các trục thôn. - Các tuyến đường không có chất thải chăn nuôi của hộ gia đình xả trực tiếp xuống đường. - Các tuyến đường phải được trồng cây xanh hai bên đường, khoảng cách tối thiểu từ 10 - 15 m/cây. - Các tuyến đường phải có quy ước quản lý, sử dụng	100%
		5.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100% (80% được cứng hóa); Tỷ lệ đường có cây xanh bóng mát hoặc hàng rào cây xanh được cắt tỉa thường xuyên đạt trên 80%.	Đạt
6	Điện	6.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt
		6.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	100%
7	Cơ sở vật chất văn hóa	7.1. Có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH - TT & DL về diện tích xây dựng và quản lý tổ chức hoạt động (Nếu có quy hoạch)	Đạt

		7.2. Có các biển pa nô, áp phích tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới	Đạt
8	Nhà ở dân cư	8.1. Nhà tạm, dột nát	Không
		8.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ xây dựng	≥ 90%
III NHÓM MÔI TRƯỜNG			
9	Nước sạch	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	100%
10	Công trình phụ trợ	10.1. Hộ có 03 công trình phụ trợ (Nhà vệ sinh, bể nước, nhà tắm) đạt chuẩn	100%
		10.2. Chuồng trại, chăn nuôi hợp vệ sinh và có nơi thu gom nước thải và phụ phẩm chăn nuôi.	100% số hộ chăn nuôi
11	Vệ sinh thôn, xóm	11.1. Đường làng ngõ xóm các hộ gia đình đảm bảo yêu cầu: xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động suy giảm môi trường	Đạt
		11.2. Có hệ thống xử lý tự thấm hoặc mương thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường; chất thải các hộ gia đình trước khi ra công cộng ít nhất phải qua sơ xử lý	Đạt
		11.3. Có tổ vệ sinh môi trường, có điểm tập kết rác thải chung, có các lò đốt rác.	Đạt
		11.4. Không có tình trạng vứt rác nơi công cộng và những nơi trái quy định; 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường	Đạt
		11.5. Định kỳ tối thiểu 01 lần/tuần có tổ chức làm vệ sinh chung toàn thôn	Đạt
IV AN NINH TRẬT TỰ			
12	An ninh trật tự xã hội	Đạt 5 tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo Thông tư 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an.	Đạt
13	Chấp hành pháp luật và quy ước, hương ước	13.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy ước, hương ước, không bị phê bình, cảnh cáo trở lên (bằng văn bản).	100%
		13.2. Đóng nộp các khoản đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, đúng thời gian.	Đạt
		13.3. 90% số hộ trong thôn đạt gia đình văn hóa, thôn 5 năm liên tục đạt thôn văn hóa	Đạt
V NHÓM GIÁO DỤC, Y TẾ			
14	Giáo dục	14.1. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 THCS	100%
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT của thôn từ 80% trở lên	Đạt
		14.3. Không có học sinh bỏ học, không có học sinh xếp học lực yếu (đối với cấp học có xếp loại); không có học sinh vi phạm đạo đức, vi phạm pháp	Đạt

		luật	
15	Y tế	15.1. Có tối thiểu 1 nhân viên y tế, thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ	Đạt
		15.2. Không phát sinh đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm xét công nhận	Đạt
		15.3. Tỷ lệ người tham gia BHYT đạt $\geq 90\%$	Đạt

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN THÔN NÔNG THÔN MỚI VÀ THÔN KIỂU MẪU

Điều 5. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xét và công nhận thôn nông thôn mới và thôn kiểu mẫu

1. Trình tự, thủ tục:

1.1. Đối với thôn nông thôn mới:

Từ ngày 01 - 10/11 hằng năm, Ban công tác Mặt trận thôn tổ chức lấy ý kiến của người dân đối với việc xây dựng “Thôn nông thôn mới” trên địa bàn bằng hình thức biểu quyết. Hình thức lấy ý kiến của người dân có thể tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo quy định tại Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH ngày 20/4/2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (có trên 75% số người được lấy ý kiến trong thôn tán thành thì đạt yêu cầu); căn cứ kết quả tự rà soát đánh giá tiêu chí “Thôn nông thôn mới”, Ban Phát triển thôn có văn bản đề nghị Ban Chỉ đạo xã, Ủy ban nhân dân xã kiểm tra đánh giá tiêu chí theo quy định.

Từ ngày 11 - 20/11 hằng năm, UBND xã kiểm tra, thẩm định, nếu đủ điều kiện thì hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện xem xét công nhận “Thôn nông thôn mới”.

Căn cứ tờ trình của UBND xã, Chủ tịch UBND huyện giao Hội đồng thẩm tra tiêu chí của huyện thẩm tra kết quả thực hiện các tiêu chí của thôn.

Căn cứ hồ sơ đề nghị, biên bản thẩm tra tiêu chí, tờ trình của tổ thẩm định huyện, Chủ tịch UBND huyện ra quyết định công nhận “Thôn nông thôn mới”, trường hợp không đủ điều kiện công nhận, UBND huyện có văn bản trả lời UBND xã và nêu rõ lý do chưa công nhận trước ngày 10/12 hằng năm.

1.2. Đối với thôn kiểu mẫu:

Từ ngày 01 - 10/11 hằng năm, Ban công tác Mặt trận thôn tổ chức lấy phiếu đánh giá của người dân (Kèm theo phụ lục số 01) đối với việc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Hình thức lấy phiếu ý kiến của người dân có thể tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo quy định tại Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH ngày 20/4/2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (15 chỉ tiêu ghi trong phiếu đánh giá của người dân có kết quả “Đạt” với tỷ lệ phiếu bầu từ 75% số người được lấy ý kiến trong thôn trở lên thì đạt yêu cầu); căn cứ kết quả tự

đánh giá tiêu chí “Thôn kiểu mẫu”, Ban Phát triển thôn có văn bản đề nghị Ban Chỉ đạo xã, Ủy ban nhân dân xã kiểm tra đánh giá tiêu chí theo quy định.

Từ ngày 11 - 20/11 hằng năm, UBND xã kiểm tra, thẩm định, nếu đủ điều kiện thì hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện xem xét công nhận “Thôn kiểu mẫu”.

Căn cứ tờ trình của UBND xã, Chủ tịch UBND huyện giao Hội đồng thẩm tra tiêu chí của huyện thẩm tra kết quả thực hiện các tiêu chí của thôn.

Căn cứ hồ sơ đề nghị, biên bản thẩm tra tiêu chí, tờ trình của tổ thẩm định huyện, Chủ tịch UBND huyện ra quyết định công nhận “Thôn kiểu mẫu”, trường hợp không đủ điều kiện công nhận, UBND huyện có văn bản trả lời UBND xã và nêu rõ lý do chưa công nhận trước ngày 10/12 hằng năm.

2. Hồ sơ:

2.1. Đối với thôn nông thôn mới:

* Hồ sơ đề nghị của thôn gửi UBND xã gồm:

- Công văn đề nghị xét chuẩn nông thôn mới (*Kèm theo phụ lục số 02*);
- Biên bản tổng hợp ý kiến đánh giá của người dân trong thôn về xây dựng nông thôn mới (*Kèm theo phụ lục số 03*).

* Hồ sơ đề nghị của UBND xã gửi UBND huyện gồm:

- Tờ trình của UBND xã (*Kèm theo phụ lục số 04*);
- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của thôn theo kế hoạch (phương án, đề án) đã được phê duyệt, so sánh với yêu cầu của từng tiêu chí (*Kèm theo phụ lục số 05*);
- Biên bản tổng hợp ý kiến đánh giá của người dân trong thôn về xây dựng nông thôn mới (*Kèm theo phụ lục số 03*);
- Biên bản kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo các tiêu chí “Thôn nông thôn mới” của Ban Chỉ đạo xã (*Kèm theo phụ lục số 06*);

Số lượng hồ sơ: là 02 bộ, nộp trực tiếp tại Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

2.2. Đối với thôn kiểu mẫu:

* Hồ sơ đề nghị của thôn gửi UBND xã gồm:

- Công văn đề nghị xét chuẩn nông thôn mới (*Kèm theo phụ lục số 02*);
- Biên bản tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của người dân trong thôn về xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu kèm theo phiếu (*Kèm theo phụ lục số 07*).

* Hồ sơ đề nghị của UBND xã gửi UBND huyện gồm:

- Tờ trình của UBND xã (*Kèm theo phụ lục số 04*);

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của thôn theo kế hoạch (phương án, đề án) đã được phê duyệt, so sánh với yêu cầu của từng tiêu chí (Kèm theo phụ lục số 05);

- Biên bản tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của người dân trong thôn về xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu (Kèm theo phụ lục số 07);

- Biên bản kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo các tiêu chí “Thôn kiểu mẫu” của Ban Chỉ đạo xã (Kèm theo phụ lục số 06);

Số lượng hồ sơ cần nộp là 03 bộ, nộp trực tiếp tại Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

Điều 6. Thẩm quyền, thời hạn công nhận

1. Thẩm quyền công nhận: “Thôn nông thôn mới” và “Thôn kiểu mẫu” do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận.

2. Thời hạn công nhận: Có hiệu lực 03 năm đối với thôn được công nhận lần đầu và 05 năm đối với thôn công nhận lại.

Điều 7. Tổ chức công bố

UBND huyện, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn các xã tổ chức Lễ công bố “Thôn nông thôn mới và “Thôn kiểu mẫu”.

1. Trách nhiệm tổ chức: UBND xã tổ chức Lễ công nhận “Thôn nông thôn mới” và “Thôn kiểu mẫu”.

2. Trách nhiệm công bố: Ủy ban nhân dân huyện.

3. Thời gian công bố: Sau khi có Quyết định công nhận của Chủ tịch UBND huyện, nhưng không được quá 30 ngày kể từ ngày ký quyết định.

4. Địa điểm tổ chức: Tại UBND xã hoặc thôn được công nhận.

5. Hình thức: Tổ chức Lễ công bố đảm bảo trang trọng, tiết kiệm.

6. Kinh phí tổ chức Lễ công bố: Từ nguồn ngân sách xã và huy động các nguồn hợp pháp khác.

Điều 8. Đăng ký “Thôn nông thôn mới” và “Thôn kiểu mẫu”

1. Ngày 05/01 hằng năm, Ban Phát triển thôn hợp dân để thống nhất đăng ký “Thôn nông thôn mới” và “Thôn kiểu mẫu” với UBND xã (Kèm theo phụ lục số 08); xây dựng kế hoạch (phương án, đề án) và tổ chức triển khai thực hiện; UBND xã tổng hợp đăng ký bằng văn bản với UBND huyện (Kèm theo phụ lục số 09); UBND huyện báo cáo UBND tỉnh (Kèm theo phụ lục số 10)

2. Ngày 20/01 hằng năm, UBND cấp huyện đăng ký bằng văn bản các thôn phấn đấu hoàn thành “Thôn nông thôn mới” và “Thôn kiểu mẫu” về UBND tỉnh (qua Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh).

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn tổ chức thực hiện.

1. Trên cơ sở Bộ tiêu chí, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và tổ chức công bố “Thôn nông thôn mới”, “Thôn kiểu mẫu” đã được quy định, Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh phối hợp với UBND các huyện /thành phố và các xã hướng dẫn tổ chức triển khai, thực hiện.

2. UBND các huyện /thành phố chỉ đạo xây dựng kế hoạch đăng ký “Thôn nông thôn mới” và “Thôn kiểu mẫu”, tổng hợp danh sách thôn phần đầu đạt chuẩn theo lộ trình; có cơ chế và thực hiện chính sách hỗ trợ cho các thôn, định kỳ hằng năm báo cáo UBND tỉnh (qua Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh).

3. UBND các xã đăng ký “Thôn nông thôn mới” và “Thôn kiểu mẫu” với UBND cấp huyện; thực hiện huy động và lồng ghép các nguồn lực hỗ trợ thôn xây dựng nông thôn mới đạt kết quả; hằng năm tổ chức đánh giá, đề nghị công nhận, triển khai nhân rộng trên địa bàn toàn xã.

4. Ban Phát triển thôn hợp dân để thống nhất đăng ký “Thôn nông thôn mới” và “Thôn kiểu mẫu” với UBND xã, xây dựng kế hoạch (phương án, đề án) và tổ chức triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới đạt chuẩn.

Điều 10. Tổ chức tổng kết.

1. Hằng năm UBND huyện tổ chức tổng kết việc triển khai thực hiện (có thể lồng ghép vào Hội nghị tổng kết Chương trình xây dựng nông thôn mới); tổ chức tuyên dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng thôn nông thôn mới và thôn kiểu mẫu.

2. Đối với các thôn được công nhận “Thôn nông thôn mới” và “Thôn kiểu mẫu”, tùy vào điều kiện từng địa phương, UBND cấp huyện quyết định thưởng 01 công trình phúc lợi; kinh phí được trích từ nguồn kinh phí của huyện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các địa phương, đơn vị có ý kiến phản ánh về Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp. *a*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ĐẠCH CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong